TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 151/2021/DS-PT
Ngày: 20/4/2021

V/v tranh chấp: "*Hợp đồng vay tài sản*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Em.

Các Thẩm phán: Ông Phan Văn Huyện.

Ông Nguyễn Thanh Triều.

-***Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Văn Giang, là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

-***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang:*** Ông Nguyễn Tấn Bảo, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 20 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 22/2021/TLPT-DS ngày 20/01/2021 về việc tranh chấp: "*Hợp đồng vay tài sản*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 183/2020/DS-ST ngày 18/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện G , tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2021/QĐ-PT ngày 05/02/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Huỳnh Ngọc T, sinh năm 1970; (có mặt)

Địa chỉ: ấp Thuận T, xã Bình T, huyện G , tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:*

- Anh Nguyễn Văn M , sinh năm 1970;

- Chị Lê Thị P , sinh năm 1969;

Cùng địa chỉ: ấp D , xã T , huyện G , tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện của anh Nguyễn Văn M và chị Lê Thị P : Ông Nguyễn Văn D , sinh năm 1963 là người đại diện theo ủy quyền theo hợp đồng ủy quyền công chứng số 4-546, quyển số 04/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 09/10/2020 (có mặt).

Địa chỉ: Số 3B N, khu phố A, phường 3, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

*. *Người kháng cáo:* Bị đơn anh Nguyễn Văn M và chị Lê Thị P .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm:

* *Nguyên đơn chị Huỳnh Ngọc T trình bày:*

Qua quen biết, vào ngày 15/8/2019 chị có cho vợ chồng anh M , chị P mượn số tiền 100.000.000 đồng, ngày 20/10/2019 cho mượn tiếp 40.000.000 đồng. Đến ngày 28/02/2020 chị cho mượn tiếp 64.500.000 đồng. Khi cho mượn tiền không làm biên nhận thỏa thuận mượn đỡ hai tháng trả nhưng vợ chồng anh M không trả đúng hẹn nên có thỏa thuận lại với chị sẽ chịu tiền lãi cho chị với mức lãi suất 4%/tháng tính từ ngày mượn. Sau đó vợ chồng anh M đã trả cho chị được 4.000.000 đồng còn nợ lại 200.500.000 đồng tiền vốn, tiền lãi không trả cho chị được đồng nào. Sau đó chị cần tiền để xây nhà chị đã thông báo cho anh chị M biết để lấy lại tiền và giữa chị với vợ chồng anh M chốt lại số tiền vốn và lãi còn nợ tổng cộng là 236.000.000 đồng và hứa trả nhưng anh chị cứ hẹn và tìm cách tránh mặt chị do đó chị đã ghi âm lại các cuộc nói chuyện giữa chị và anh M .

Nay chị yêu cầu anh M , chị P cùng có nghĩa vụ trả lại cho chị số tiền vay còn nợ tổng cộng là 236.000.000 đồng. Yêu cầu trả khi án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn anh Nguyễn Văn M và chị Lê Thị P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh M , chị P vẫn vắng mặt không thể hiện ý kiến của mình.

* Bản án dân sự sơ thẩm số 183/2020/DS-ST ngày 18/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện G , tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Căn cứ:

Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự;

Điều 26, 35, 91, 92, 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Xử

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Huỳnh Ngọc T.

Buộc anh Nguyễn Văn M , chị Lê Thị P cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Huỳnh Ngọc T số tiền vay vốn và lãi còn nợ tổng cộng là 236.000.000đồng. Thời gian trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ khi chị T có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh M , chị P chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2/ Về án phí:

Anh Nguyễn Văn M , chị Lê Thị P phải nộp 11.800.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho chị Huỳnh Ngọc T số tiền 5.912.500 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0017842 ngày 09 tháng 6 năm 2020.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/9/2020 bị đơn anh Nguyễn Văn M và chị Lê Thị P kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Ngọc T đòi anh M , chị P liên đới trả số tiền vốn và lãi là 236.000.000đồng. Anh M sẽ trả cho chị Huỳnh Ngọc T 40.000.000 đồng và tiền lãi của số tiền này.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Văn D là người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Văn M và chị Lê Thị P vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Ngọc T đòi anh M , chị P liên đới trả số tiền vốn và lãi là 236.000.000đồng. Anh M sẽ trả cho chị Huỳnh Ngọc T 40.000.000 đồng và tiền lãi của số tiền này. Nguyên đơn chị Huỳnh Ngọc T không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của anh M , chị P .

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, Căn cứ vào đoạn ghi âm cuộc nói chuyện giữa chị T và anh M tại phiên tòa phúc thẩm đại diện ủy quyền của anh M thừa nhận tiếng nói của anh M , trong đoạn ghi âm chị T có kết lại anh M còn nợ chị T 236.000.000 đồng nhớ và đúng hôn, anh M nói ừ và nhớ. Căn cứ chứng cứ này Tòa án cấp sơ thẩm buộc anh M , chị P trả lại chị T 236.000.000 đồng là có căn cứ. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm chị T trình bày số tiền trên anh M hỏi vay, chị đưa tiền cho anh M . Chị P không biết, sau này chị mới nói cho chị P , nay chị yêu cầu anh M trả cho chị số tiền trên và đồng ý bớt cho anh M 10.000.000 đồng, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận nên chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị P . Riêng anh M kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ gì chứng minh đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh M . Do đó căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện G , tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của các bị đơn làm trong thời hạn luật định là hợp lệ.

[2] Về nội dung kháng cáo: Anh Nguyễn Văn M và chị Lê Thị P kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện

của chị Huỳnh Ngọc T đòi anh M , chị P liên đới trả số tiền vốn và lãi là 236.000.000đồng. Anh M cho rằng vào tháng 8/2019 anh có vay của chị T số tiền 90.000.000 đồng, thời gian vay vài tháng, không tính lãi, do chỗ quen biết nên không làm giấy tờ, không có ai chứng kiến, việc vay tiền của chị T vợ anh là chị P không biết, anh đã trả cho chị T 03 lần với tổng số tiền là 50.000.000 đồng. Do đó hiện nay anh chỉ còn nợ chị T 40.000.000 đồng nên anh chỉ đồng ý trả cho chị T số tiền 40.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh.

Xét yêu cầu kháng cáo của anh M , chị P , Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong quá trình tố tụng, Tòa án cấp sơ thẩm đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập, anh M , chị P biết nội dung khởi kiện của chị T nhưng vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, không có yêu cầu phản tố hay có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của chị T nên Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào các chứng cứ do chị T cung cấp là USB ghi âm cuộc nói chuyện điện thoại giữa chị T và anh M để buộc anh M và chị Phương trả cho chị T số tiền 236.000.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm Hội đồng xét xử công bố đoạn ghi âm cuộc nói chuyện giữa chị T và anh M thì đại diện theo ủy quyền của anh M thừa nhận giọng nói của anh M . Trong cuộc nói chuyện chị T có chốt lại số tiền anh M thiếu là 236.000.000 đồng, chị T có hỏi "đúng hôn" và "nhớ hôn" anh M có trả lời "ừ nhớ". Do đó căn cứ cuộc nói chuyện ghi âm này anh M có thừa nhận thiếu chị T số tiền 236.000.000 đồng là có căn cứ.

Tại phiên Tòa phúc thẩm chị T cho rằng việc mượn tiền là do anh M hỏi mượn, chị đưa tiền cho anh M , chị P không biết. Sau khi anh M không trả thì chị có xuống nhà nói cho chị P biết. Trong số tiền 236.000.000 đồng có 36.000.000 đồng tiền lãi. Nay chị không yêu cầu chị P trả nợ chỉ yêu cầu anh M trả và đồng ý bớt 10.000.000 đồng xét thấy việc thay đổi 01 phần yêu cầu của chị T là phù hợp, chị P kháng cáo không đồng ý trả nợ cùng anh M phù hợp với việc thay đổi yêu cầu của chị T nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị P .

Việc anh M cho rằng anh chỉ vay của chị T 90.000.000 đồng trả được 50.000.000 đồng, còn lại 40.000.000 đồng anh đồng ý trả cho chị T 40.000.000đồng và trả lãi phát sinh, chị T không thừa nhận căn cứ vào cuộc nói chuyện ghi âm thì anh thừa nhận nợ chị T 236.000.000 đồng nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc anh M trả cho chị T 236.000.000 đồng là có căn cứ. Anh M kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh M .

Tại phiên Tòa phúc thẩm chị T giảm cho anh M 10.000.000 đồng tiền lãi nên hội Đồng xét xử ghi nhận. Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa bản án dân sự số 183/2020/DS-ST ngày 18/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện G , tỉnh Tiền Giang

[4] Về án phí: Do sửa bản án dân sự sơ thẩm nên anh M , chị P không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ vào Điều 26, 35, 91, 92, 227 và Điều 228 khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Văn M .

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của của chị Lê Thị P .

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 183/2020/DS-ST ngày 18/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện G , tỉnh Tiền Giang

1/ Đình chỉ 01 phần yêu cầu của chị Huỳnh Ngọc T yêu cầu chị Lê Thị P cùng anh Nguyễn Văn M liên đới trả số tiền 236.000.000 đồng.

2/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Ngọc T.

Buộc anh Nguyễn Văn M trả cho chị Huỳnh Ngọc T số tiền vay vốn và lãi tổng cộng là 226.000.000đồng. Thời gian trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ khi chị T có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh M chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2/ Về án phí: Anh M , chị P không phải chịu án phí phúc thẩm. Anh Nguyễn Văn M phải nộp 11.300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Anh M , chị P được nhận lại số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0018020 ngày 01/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G , tỉnh Tiền Giang.

Chị Huỳnh Ngọc T được nhận lại 5.912.500 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0017842 ngày 09 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G , tỉnh Tiền Giang.

Kể từ ngày chị Huỳnh Ngọc T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Nguyễn Văn M chậm thực hiện thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện G ;
- CC THADS huyện G ;`
- Các đương sự;
- Phòng KTNV &THA (TAT);

Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Kim Em